

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2020/HS-ST
Ngày 14-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp;

Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đắc Bắc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hà Thị Ngọc D, sinh ngày 09/9/1999; tại Cà Mau; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 114C, đường K, khóm 7, phường 7, thành phố M, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; con ông: Hà Hữu T (đã chết), và bà Phan Thị Minh Đ (còn sống); anh chị em ruột: 03 người; chồng: Nguyễn Trọng N, (ly hôn năm 2017); con: 01 người tên Nguyễn Mỹ A ,04 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Cho đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, chưa có án tích hay bị xử phạt, xử lý vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/10/2020 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Ông Lê Tấn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 08, đường X, khóm 2, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Chí N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 41, đường L, khóm 6, phường 6, thành phố M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 10/02/2019 Hà Thị Ngọc D đến nhà của ông Lê Tấn T, tạm trú tại số 08, đường X, khóm 2, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau để thuê 01 xe mô tô Vespa có biển số đăng ký 69C1-323.38, khi thuê xe D đưa chứng minh nhân dân cho ông T giữ. Giá thuê xe là 200.000 đồng/01 ngày. Sau khi làm hợp đồng thuê xe D nhận xe nói trên và sử dụng đến ngày 08/6/2019 thì D nảy sinh ý định cầm xe nói trên để lấy tiền tiêu xài cá nhân. D điện thoại cho ông Trần Chí N, ngụ số 41, đường L, khóm 6, phường 6, thành phố M là người quen, nói mình có 01 chiếc xe mô tô Vespa mua trả góp muốn cầm với giá 10.000.000 đồng thì N kêu D điều khiển xe đến quá cà phê Mỹ Linh ngang bệnh viện đa khoa Cà Mau để N xem xe. Sau khi xem xe xong N đồng ý cầm với giá 10.000.000 đồng.

Đến ngày 14/6/2019, D tiếp tục đến gặp ông T thuê tiếp 01 chiếc xe hiệu AirBlade biển số 69B1-306.70. Khi thuê xe ông T hỏi xe trước đâu mà D thuê tiếp xe khác, thì D nói xe bị hư bình đề và ông T không hỏi gì thêm và cho D thuê xe với giá 200.000 đồng/01 ngày. Khi thuê xe thì hai bên có làm hợp đồng thuê xe. Lần thuê này D nhận lại giấy chứng minh nhân dân của mình.

Đến ngày 28/6/2019, D tiếp tục điện thoại cho N và hẹn gặp ở vị trí cũ, tại đây D cầm xe AirBlade biển số 69B1-306.70 cho N với giá 7.000.000 đồng.

Đối với tiền thuê 02 chiếc xe nói trên thì D đã trả cho ông T đầy đủ đến ngày 03/7/2019. Kể từ ngày 04/7/2019 D tắt điện thoại để cho ông T không liên lạc được và bỏ trốn lên thành phố Hồ Chí Minh, sinh sống nhiều nơi.

Do xe của ông T có gắn định vị, nên đến ngày 11/8/2019 ông T phát hiện xe của mình được để trong nhà xe của Công ty P, thuộc ấp B, xã L, thành phố M. Nên ông T trình báo công an phường 4, thành phố Cà Mau.

Tại kết luận định giá tài sản số 102/KL-HĐĐG ngày 04/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cà Mau kết luận: Tính vào thời điểm tháng 6/2019:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda loại AirBlade biển số 69B1-306.70; số khung 4931128; số máy 0511674, giá trị còn lại 80%: 23.000.000 đồng x 80% = 18.400.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 106/KL-HĐĐG ngày 12/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Tính vào thời điểm tháng 6/2019:

- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Piaggio loại Vespa có biển số đăng ký 69C1-323.38; số khung 005590; số máy 5005579, giá trị còn lại 70%: 45.000.000 đồng x 70% = 31.500.000 đồng.

Quá trình điều tra D thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, vì cần tiền tiêu xài, đi bar nên sau khi thuê xe của T, D nói dối với N là xe của D mua trả góp để cầm cho N. Sau đó tắt liên lạc rồi bỏ trốn lên thành phố Hồ Chí Minh, nhằm mục đích không chuộc xe trả lại cho ông T.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda loại AirBlade biển số 69B1-306.70; 01(một) xe mô tô nhãn hiệu

Piaggio loại Vespa có biển số đăng ký 69C1-323.38 cả hai xe này đã trả lại cho ông T vào ngày 11/10/2019.

- Về dân sự: Ông T đã nhận lại 02 xe và hiện không yêu cầu D bồi thường gì thêm. Đối với ông N có cầm cho D 02 chiếc xe trên với số tiền 17.000.000 đồng thì D chưa khắc phục, hiện ông N yêu cầu D trả lại cho ông số tiền nói trên.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo Hà Thị Ngọc D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Hà Thị Ngọc D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; đối với anh N có yêu cầu D trả lại 17.000.000 đồng tiền cầm xe nhưng hiện tại phiên tòa anh N vắng mặt nên đề nghị HĐXX tách ra, ông N có quyền khởi kiện đòi lại số tiền trên ở vụ án dân sự khác.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Hà Thị Ngọc D thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, và nhiều tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án từ đó đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 10/02/2019 và ngày 14/6/2019 Hà Thị Ngọc D đã thuê 02 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio loại Vespa có biển số đăng ký 69C1-323.38 và xe mô tô nhãn hiệu Honda loại AirBlade biển số 69B1-30670 của ông Lê Tấn T bằng hợp đồng thuê xe, có tổng giá trị 49.900.000 đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối để cầm các xe trên cho ông Trần Chí N với số tiền 17.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân, rồi bỏ trốn khỏi địa phương nhằm mục đích không chuộc xe trả lại cho ông T.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là xâm phạm quyền sở hữu tài sản bị hại, là vi phạm pháp luật. Thế nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân, để có tiền tiêu xài, mà bị cáo

thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hại cho xã hội, bởi hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, mà hành vi đó còn gây hoang mang bất bình trong dư luận. Với tính chất, mức độ thực hiện phạm tội của bị cáo, cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đồng thời cũng để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện nhiều lần cùng một loại hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu, mỗi lần giá trị tài sản trên 4.000.000 đồng nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Nên cần áp dụng các tình tiết trên là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại xe không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với ông Trần Chí N quá trình điều tra có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 17.000.000 đồng tiền cầm xe. Nhưng tại phiên tòa ông N vắng mặt không có lý do. Nên hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu trên của ông N trong vụ án này, ông N quyền khởi kiện bị cáo ở vụ án dân sự khác là phù hợp.

[6] Về thủ tục tố tụng: Bị hại ông Lê Tấn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Chí N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do. Xét thấy, ông T, ông N trong quá trình điều tra đã có lời khai rõ ràng, ông T không có yêu cầu gì trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, ông N theo quy định.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo qui định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Hà Thị Ngọc D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hà Thị Ngọc D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND tp.Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- CAND tp.Cà Mau;
- TAND tỉnh.Cà Mau;
- Lưu VT- hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Phạm Kim Cương